

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 4 - 2025
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Lợi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Gia và ông Lê Đình Khôi.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 510/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Mỹ L – sinh năm: 1995. (vắng mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Thái S – sinh năm: 1992. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thái S tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2019 và được Ủy ban nhân dân xã P cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/12/2019. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Ngoài ra, anh S ham mê cờ bạc, không lo làm ăn, không chăm lo cho vợ con. Do đó trong cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Từ năm 2020, vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay. Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thái S.

Về con chung: Chị và anh S có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Tuệ M – sinh ngày: 02/01/2021.

Từ khi chị và anh S ly thân nhau đến nay, cháu M do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình nuôi dưỡng con thì chị chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tốt.

Khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu M và đồng ý với mức tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh S là mỗi tháng 1.500.000đ.

Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện, chị yêu cầu chia tài sản là 01 căn nhà cấp 04 tọa lạc tại Tổ A, ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Thái S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị Mỹ L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2019 và được Ủy ban nhân dân xã P cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/12/2019. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh làm ăn thua lỗ, mắc nợ dẫn đến vợ chồng tranh cãi, mâu thuẫn. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân nhau. Nay chị L yêu cầu ly hôn, do anh vẫn còn thương yêu vợ con và mong muốn hàn gắn quan hệ nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị L có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Tuệ M – sinh ngày: 02/01/2021.

Chị L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì anh đồng ý chấp nhận. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ các đương sự giao nộp và Tòa án thu thập thì Tòa án đã ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho những người vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét vợ chồng chị L và anh S đã xảy ra mâu thuẫn, không hòa giải đoàn tụ được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị Phạm Thị Mỹ L được ly hôn với anh Nguyễn Thái S.

+ Về con chung: Đề nghị giao 01 con chung là Nguyễn Ngọc Tuệ M – sinh ngày: 02/01/2021 cho chị Phạm Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh S về cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ.

+ Về tài sản chung: Chị L và anh S không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về nợ chung: Chị L và anh S kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Đề nghị buộc chị Phạm Thị Mỹ L phải chịu 300.000đ án phí DSST về ly hôn, buộc anh Nguyễn Thái S phải chịu 300.000đ án phí DSST về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung đối với bị đơn anh Nguyễn Thái S. Anh S đang cư trú tại huyện T, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

[1.2]. Chị Phạm Thị Mỹ L và anh Nguyễn Thái S là các đương sự trong vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh S vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Chị L và anh S kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P vào ngày 11/12/2019. Nay chị L yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh S nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh S sống chung và có đăng ký kết hôn vào ngày 11/12/2019. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị L yêu cầu ly hôn với lý do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống và anh S ham mê cờ bạc, không lo làm ăn, không chăm lo cho vợ con. Anh S không đồng ý ly hôn do anh vẫn còn thương yêu vợ, con nhưng cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn do anh làm ăn thua lỗ dẫn đến nợ nần.

Qua ý kiến thừa nhận của các đương sự và kết quả xác minh tại địa phương thể hiện thể hiện trong cuộc sống chung của vợ chồng anh chị không hạnh phúc và đã sống ly thân nhau.

Xét thấy hôn nhân của chị L và anh S lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Mỹ L là cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thái S.

[3.2]. Về con chung: Chị L và anh S có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Tuệ M – sinh ngày: 02/01/2021.

Chị L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh S cũng đồng ý giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy, bản thân chị L có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Từ khi chị L và anh Sơn S1 ly thân đến nay, con chung sống cùng chị L và được chị L chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng tốt. Vì vậy, để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu M cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ. Chị L đồng ý với ý kiến của anh S về mức cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc anh S cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ là phù hợp.

[3.3]. Về tài sản chung:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu chia tài sản chung đối với 01 căn nhà cấp 04 tọa lạc tại Tổ A, ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Xét thấy việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, không trái pháp luật, trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chia tài sản khi ly hôn.

Chị L và anh S không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4]. Về nợ chung: Chị L và anh S kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 6 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị Phạm Thị Mỹ L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, anh Nguyễn Thái S phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Các Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Mỹ L. Cho chị Phạm Thị Mỹ L được ly hôn anh Nguyễn Thái S.
2. Về con chung: Chị L và anh S có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Tuệ M – sinh ngày: 02/01/2021.

Giao con chung cho chị Phạm Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Thái S phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 5/2025. Anh S có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản chung:

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Mỹ L về việc yêu cầu chia tài sản khi ly hôn.

Chị L và anh S không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Nợ chung: Chị L và anh S kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

5. Về án phí:

Chị Phạm Thị Mỹ L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 5.300.000đ (Năm triệu ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0013605 ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Trả lại cho chị Phạm Thị Mỹ L 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Anh Nguyễn Thái S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND xã Phú Xuân: Để ghi vào sổ hộ tịch (Giấy CNKH số 119, cấp ngày 11/12/2019);
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Lợi